**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HKII TIN HỌC 7**

**I.Trắc nghiệm**

**Câu 1.**Nếu muốn giảm bớt số chữ số sau dấu phẩy, em chọn nút lệnh nào sau đây trong nhóm lệnh Number của thẻ Home?

|  |  |
| --- | --- |
| A.  B.  C.  D. |  |

**Câu 2.**Khi muốn xóa hàng, cột em dùng lệnh nào?

A. Insert B. Delete C. Hide D. Unhide

**Câu 3.**Phím tắt để mở hộp thoại Format Cells là gì?

A. Ctrl + A B. Ctrl + P C. Ctrl + 1 D. Ctrl + 0

**Câu 4.** Cho các thao tác sau:

a) Trong cửa sổ Format Cells, chọn trang Broder. Thiếp lập các thông số kẻ đường viền, kẻ khung.

b) Chọn vùng dữ liệu muốn kẻ đường viền, kẻ khung.

c) Mở cửa sổ Format Cells.

Hãy sắp xếp thứ tự các thao tác để thực hiện kẻ khung, đường viền?

A. a → b → c B. a → c → b C. b → a → c D. b → c→ a

**Câu 5.**Các mẫu tạo sẵn bố cục nội dung có thể được sử dụng cho một bài trình chiếu gọi là:

A. Trình chiếu. B. Mẫu bố trí. C. Mẫu kí tự. D. Mẫu thiết kế.

**Câu 6.**Phương án**sai**:

A. Phần mềm trình chiếu cho phép người sử dụng trình bày thông tin dưới hình thức trình chiếu.

B. Phần mềm trình chiếu có các hiệu ứng giúp làm cho nội dung trình bày thêm sinh động và ấn tượng.

C. Phần mềm trình chiếu thường được sử dụng để tạo bài trình chiếu trong các hội thảo, dạy học, tạo album với các hiệu ứng hoạt hình.

D. Không thể in trên giấy các tệp được tạo bởi phần mềm trình chiếu.

**Câu 7.**Thẻ lệnh nào chứa lệnh chèn hình ảnh vào trang chiếu?

A. Home B. Insert C. Design D. View

**Câu 8.**Khi muốn căn lề giữa nội dung, em thực hiện như thế nào?

A. Chọn nội dung/vào hộp thoại Paragraph/Chọn lệnh căn giữa

B. Chọn nội dung/vào hộp thoại Font/Chọn lệnh căn giữa

C. Chọn nội dung/vào hộp thoại Clipboard/Chọn lệnh căn giữa

D. Chọn nội dung/vào hộp thoại Drawing/Chọn lệnh căn giữa

**Câu 9.**Hiệu ứng cho đối tượng nằm trong thẻ nào?

A. Transitons B. Animations C. Desigh D. Insert

**Câu 10.**Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm tuần tự không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách?

A. Tiếp tục tìm kiếm và không bao giờ kết thúc.

B. Thông báo “Tìm thấy”.

C. Thông báo “Không tìm thấy” và kết thúc.

D. Thông báo “Tìm thấy” và kết thúc.

**Câu 11.**Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc gì?

A. Lưu trữ dữ liệu.

B. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.

C. Xử lí dữ liệu.

D. Tìm kiếm dữ liệu cho trước trong một danh sách đã cho.

**Câu 12:**Cho danh sách số nguyên [5, 9, 12, 17, 23, 30].

Thuật toán tìm kiếm tuần tự được sử dụng để tìm số 17. Hỏi thuật toán sẽ thực hiện bao nhiêu lần so sánh?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 13**:Thuật toán tìm kiếm tuần tự có thể áp dụng tốt nhất khi nào?

A. Danh sách có số lượng phần tử rất lớn

B. Danh sách được sắp xếp tăng dần

C. Danh sách chưa sắp xếp và số lượng phần tử nhỏ hoặc trung bình

D. Danh sách có dữ liệu phức tạp

**Câu 14:**Trong bài toán lập trình, em muốn tìm phần tử “z” trong danh sách [“x”, “y”, “z”, “w”]. Thuật toán tìm kiếm tuần tự sẽ trả về:

A. Vị trí đầu danh sách B. Không tìm thấy

C. Vị trí thứ 3 D. Vị trí thứ 4

**Câu 15:**Vì sao thuật toán tìm kiếm tuần tự thường KHÔNG được sử dụng cho danh sách có hàng triệu phần tử?

A. Vì không thể duyệt danh sách lớn B. Vì cần sắp xếp trước

C. Vì tốn nhiều thời gian kiểm tra từng phần tử D. Vì không thể dùng trong lập trình

**Câu 16**: Thuật toán tìm kiếm tuần tự là:  
A. Tìm kiếm nhảy bước trong danh sách  
B. Tìm từ cuối danh sách lên đầu  
C. Tìm từng phần tử từ đầu đến cuối danh sách  
D. Tìm theo vị trí ngẫu nhiên trong danh sách

**Câu 16:** Dữ liệu được dùng trong thuật toán tìm kiếm tuần tự là:  
A. Văn bản B. Hình ảnh C. Danh sách có thứ tự D. Danh sách có kích thước nhỏ

**Câu 17:** Điều kiện kết thúc thuật toán tìm kiếm tuần tự là:  
A. Khi tìm thấy phần tử cần tìm B. Khi danh sách bị lỗi  
C. Khi gặp phần tử trùng nhau D. Khi bắt đầu danh sách

**Câu 18:** Mỗi lần lặp trong thuật toán, chương trình thực hiện việc:  
A. Xoá phần tử không đúng B. So sánh phần tử với giá trị cần tìm  
C. Sắp xếp lại danh sách D. Nhảy đến phần tử cuối cùng

**Câu 19:** Khi sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự, chương trình sẽ:  
A. Tìm phần tử ở giữa danh sách B. Tìm ngẫu nhiên trong danh sách  
C. Tìm lần lượt từ đầu đến cuối danh sách D. Chỉ tìm phần tử đầu tiên

**Câu 20:** Nếu phần tử cần tìm không có trong danh sách thì:  
A. Thuật toán báo lỗi  
B. Chương trình tự động thêm phần tử đó vào danh sách  
C. Thuật toán thông báo không tìm thấy  
D. Dừng giữa chừng

**Câu 21:** Thuật toán tìm kiếm tuần tự phù hợp với:  
A. Dữ liệu có thứ tự tăng dần B. Danh sách có số lượng phần tử nhỏ hoặc trung bình  
C. Danh sách hình ảnh D. Tệp văn bản lớn

**Câu 22:** Trong thuật toán tìm kiếm tuần tự, mỗi lần kiểm tra sẽ:  
A. Tìm vị trí trung bình của danh sách B. So sánh phần tử hiện tại với phần tử cần tìm  
C. Thêm phần tử mới vào danh sách D. Tạo một danh sách mới

**Câu 23:** Nếu tìm thấy phần tử cần tìm thì:  
A. Tiếp tục tìm các phần tử còn lại B. Thoát khỏi vòng lặp và kết thúc thuật toán  
C. Xoá phần tử đó khỏi danh sách D. Không thực hiện hành động gì

**Câu 24:** Nếu không tìm thấy phần tử trong danh sách thì kết quả trả về là:  
A. Tên phần tử đầu tiên B. Số lượng phần tử trong danh sách  
C. Không tìm thấy D. Phần tử gần đúng nhất

**Câu 25.** Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 7 trong danh sách [ 3; 5; 12; 7; 11; 15]?

1. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

**Câu 26.** Thực hiện thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm số 10 trong dang sách [2, 6, 8,4, 10, 12], đầu ra của thuật toán là?

1. Thông báo “ Không tìm thấy”.
2. Thông báo “Tìm thấy”.
3. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí số 5 của danh sách.
4. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí số 6 của danh sách.

**II. Đúng / Sai**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1) Hình ảnh không chỉ truyền tải thông tin mà còn gợi cảm xúc của người xem. |  |  |
| 2) Nội dung trong mỗi trang chiếu cần viết cô đọng, chọn lọc từ ngữ và chỉ nên tập trung vào một ý chính. |  |  |
| 3) Một bài trình chiếu có càng nhiều hình ảnh minh họa càng tốt. |  |  |
| 4) Nên biên tập lại nội dung và định dạng văn bản trong trang chiếu sau khi sao chép từ tệp văn bản sang. |  |  |
| 5) Không cần lưu ý đến bản quyền từ hình ảnh. |  |  |
| 6) Không nên dùng nhiều màu, nhiều phông chữ trên một trang chiếu. |  |  |

1. Thuật toán tìm kiếm tuần tự chỉ hoạt động với danh sách sắp xếp.
2. Khi tìm thấy phần tử cần tìm, thuật toán sẽ kết thúc.
3. Cần duyệt toàn bộ danh sách dù đã tìm thấy phần tử cần tìm.
4. Có thể mô phỏng thuật toán tìm kiếm tuần tự bằng sơ đồ khối.

**III. Điền vào chỗ trống (1 điểm mỗi câu)**

1. Sau khi kiểm tra một phần tử, nếu không đúng, thuật toán sẽ lặp lại với phần tử \_\_\_.
2. Kết thúc thuật toán xảy ra khi đã kiểm tra hết danh sách mà vẫn \_\_\_ phần tử cần tìm.
3. Trong thuật toán tìm kiếm tuần tự, nếu phần tử đang kiểm tra không phải là phần tử cần tìm thì chương trình sẽ chuyển sang phần tử \_\_\_ theo.
4. Khi đã kiểm tra hết danh sách mà không thấy phần tử cần tìm, thuật toán sẽ \_\_\_ tìm thấy.
5. Bước đầu tiên trong thuật toán tìm kiếm tuần tự là xem xét phần tử ở vị trí \_\_\_ của danh sách.
6. Thuật toán tìm kiếm tuần tự giúp máy tính \_\_\_ dữ liệu theo từng phần tử một.

**II: TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Em hãy nêu các thao tác sau:

a) Xóa hàng, cột.

b) Chèn thêm một hàng, cột mới.

**Câu 2:** Cho danh sách sau: ["Lan", "Hoa", "Hùng", "Bình", "Mai"]  
Sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm tên “Bình”. Em hãy liệt kê các bước thực hiện và kết luận.

**Câu 3:** a) Cho danh sách các cuốn sách sau:

Conan; 1000 câu hỏi vì sao; mẹ kể bé nghe; khoa học kì thú; sống sao cho có ích. Em hãy kẻ bảng để viết ra các bước thực hiện thuật toán tuần tự để tìm kiếm cuốn sách “Khoa học kì thú” trong danh sách đã cho.

b) Điều kiện để dừng việc tìm kiếm trong thuật toán tìm kiếm ở ý a là gì?

**Câu 4***:* Cho danh sách các số: [12, 23, 35, 41, 58, 60]  
Thực hiện thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm số 41. Ghi rõ từng bước và kết luận.